

1) Tết Âm Lịch

Tết âm lịch là dịp lễ tết lớn nhất trong tất cả các ngày lễ tiết truyền thống của người Việt. Đón Tết là kéo theo một loạt các nghi thức và hoạt động chuẩn bị cho những ngày Tết : trồng nêu, gói bánh chưng, trang hoàng nhà cửa, quét vôi cho các gốc cây, thậm chí còn vẽ thành những hình cung nỏ trong ngõ nhà để phòng đuổi ma trong đêm trừ tịch...

Dân ta có câu :

Thịt mỡ da hành câu đối đỏ

Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh

Muối da hành và gói bánh chưng là công việc bắt buộc phải chuẩn bị cho ngày tết. Vốn là món ăn truyền thống của người dân Việt Nam da hành không chỉ là món ăn ngon, mà còn có tác dụng điều tiết tiêu hóa. Bánh chưng là sản phẩm của văn hóa ẩm thực nông nghiệp, nó nhắc nhở chúng ta nhớ về cội nguồn thuở Hùng Vương dựng nước và câu chuyện cảm động về tấm lòng hiếu nghĩa của chàng trai Lang Liêu. Vì thế, trong ngày tết dân ta không bao giờ quên gói bánh chưng để cúng tổ tiên, tỏ tấm lòng không quên cội rễ của con dân nước Việt.



Nêu vốn được coi là “cây vũ trụ”, trồng nêu trong ngày tết có ý nghĩa lấy dương khí của vũ trụ truyền tỏa xuống lòng đất âm, nhằm xua tan cái lạnh của mùa đông còn sót lại và làm cho âm dương giao hòa, vạn vật sinh sôi phát triển.

Tết đến rõ nhất và sớm nhất vẫn là ở các chợ. Hằng năm cứ vào khoảng từ ngày 23–27 tháng Chạp thì chợ nào cũng gọi là Chợ Tết, còn phiên 28, 29 gọi là phiên áp tết. Những ngày này hết thấy mọi người đều đi mua sắm, mọi mặt hàng phục vụ cho tết đều đem bán. Từ hoa quả, quần áo, tơ lụa, đồ trang sức, tranh treo tết đến vàng hương, đồ thờ... cho đến các loại lương thực, thực phẩm với số lượng nhiều gấp bội và cũng hết sức đa dạng phong phú hơn hẳn ngày thường. Người ta đi chợ tết nhiều khi không chỉ để mua sắm, mà còn đi chơi chợ, để thưởng thức chợ. Dân gian có câu : vui như

chợ tết, đẹp như chợ tết và cũng đắt như chợ tết !

Tết được tính từ ngày 23 tháng Chạp – ngày Táo quân lên châu trời. Nhà nhà đều phải sửa lễ tiễn ông Táo lên trời. Ông Táo gồm ba vị (2 nam, 1 nữ) còn gọi là “ông đầu rau”, “ông bếp núc” hay còn gọi một cách tôn kính hơn là “Vua Bếp”, hoặc “Táo Công” hay “Táo Quân”. Dân ta vẫn gọi tắt là “ông Công”. “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”. Như vậy Thổ công là thần trông coi mọi việc trong vùng đất của từng gia đình, được suy tôn là “đệ nhất gia chi chủ”. Đó là vị thần không chỉ định đoạt may rủi, phúc họa mà còn ngăn cấm ma quỷ nơi khác tới, giữ bình yên cho nhân gia.

Trong tâm thức người dân cứ đến ngày 23 tháng Chạp, Táo quân lại lên trời để báo cáo với thiên đình về tình hình gia chủ. Do vậy cứ đến ngày này, nhà nhà đều sắm mũ, áo mới để “hóa” cho Táo quân và tặng thêm bộ ba cá chép còn sống. Cá này sau khi cúng lễ đem phóng sinh ở sông hồ với niềm tin cá sẽ hóa rồng để đưa Táo lên châu trời. Đến ngày 30 tháng Chạp, Táo lại trở về trần gian bắt đầu công việc của năm mới mà Tết Nguyên Đán là ngày mở đầu linh thiêng và long trọng.

Tết Nguyên Đán là gọi theo âm Hán Việt. “Nguyên” là bắt đầu, “Đán” là buổi sớm mai, vì thế Tết Nguyên Đán là tết mở đầu cho một năm mới. Dân ta gọi là tết cả.

Tết Cả là tết của cả dân nông nghiệp. Xưa kia, khi qua một chu trình sản xuất – tức là một vòng trồng cấy, thì đây chính là thời điểm mở đầu một vòng quay mới của vũ trụ sau bốn mùa chu chuyển. Đó là lý do để người nông thôn, nông nghiệp lấy đó làm mốc cho hoạt động sản xuất – nghỉ ngơi của mình, vì thế mới có lễ hội xuân – thu nhị kỳ, điều đó lý giải tại sao chỉ trong dịp Tết Cả, toàn thể cộng đồng mới cầu chúc nhau toàn diện : cầu “Phong đăng hòa cốc” với nông dân ; “Mở mang trăm nghề” với thợ thủ công ; “Đổ đạt hiển vinh” với nho sinh, giáo sĩ ; “Một vốn bốn lời” với thương nhân... và cứ đà ấy “Bách niên giai lão” với người già ; “Hay ăn chóng lớn” với trẻ nhỏ ; “Hạnh phúc vuông tròn” với lứa đôi ; “Có con” với người hiếm muộn ; “Khỏe mạnh” với người đau yếu ; và với mọi người bình thường thì sức khỏe và bình yên !

Cũng vào dịp này đạo lý làm người được nhắc lại để in sâu trong mối quan hệ nhiều chiều tròn vẹn giữa cháu con với ông bà, giữa trò và thầy, giữa bệnh nhân với thầy thuốc, giữa vợ chồng với anh em bạn bè thân quyến. Và như vậy, phong tục này cũng chính là sự thể hiện một lối sống chu đáo, một lối ứng xử văn minh và tràn đầy lòng nhân ái.

Tết Cả được chọn vào đúng thời khắc 2 năm cũ mới gặp nhau và ly biệt. Giao thừa chính là điểm hội tụ và

phân ly ấy. Đó là thời điểm thiêng liêng nhất của một năm, đúng vào lúc chuyển đổi từ mùa đông băng giá khô cằn – biểu tượng của hủy diệt chết chóc sang mùa xuân ấm áp đâm chồi nảy lộc – biểu tượng của sự sống tiến triển sinh sôi. Vì thế, đúng lúc giao thừa, người xưa có nhiều hành động tượng trưng để ước vọng lời chúc thành hiện thực : Đoàn trẻ nhỏ hát “súc sắc súc sê” chúc mừng mọi gia đình ; tục “gọi gạo” ; lễ “giữ lửa qua đêm Giao thừa – giữ sự sống từ năm cũ sang năm mới” ; lễ “Trảm tự – chém chữ” để truyền võ công cho trai đinh của các dòng họ trong làng ; “bể càn hái lộc – rước sự sống mới vào cho gia đình”...

Tết là đổi mới, nên trong những ngày tết người ta thường tiến hành những hành động mang tính biểu trưng, mở đầu cho mọi việc trong năm mới tăng tiến, khá giả tốt đẹp hơn năm cũ. Bằng hành vi riêng lẻ hay nghi thức tập thể từng ngành, từng nghề, từng giới cũng mở đầu một hành động sao cho chu đáo và tốt đẹp, hoàn chỉnh và đồng bộ : Lễ động thổ (Khai canh) cho nhà nông (xưa trong thời phong kiến cũng có riêng một khoảnh đất trong kinh thành để dành cho nhà vua làm lễ “tịch điền”) ; Lễ khai bút (viết câu văn, làm bài thơ đầu tiên của thầy đồ nho) ; Người làm rừng có lễ khai sơn (lễ mở cửa rừng). Dân chài lưới có lễ cầu ngư – đi kiếm mẻ cá đầu tiên lấy may ; Quan lại có lễ khai ấn. Nghề thủ công có lễ khai nghiệp... Tất cả những lễ đó gọi là lễ khai xuân, lễ mở đầu hoạt động của từng ngành đầu mùa xuân để cầu may mắn cho cả năm.

Tóm lại, trong dịp Tết Cả, con người sống trong lễ thức tôn nghiêm cùng đạo đức cộng đồng, rồi ngay sau đó lại chan hòa vào các cuộc vui chơi, các hội thi tài để giải tỏa và quên đi mọi nỗi nhọc nhằn của cuộc sống đời thường năm cũ. Đồng thời vừa cầu mong tổ tiên và các vị thần linh âm phù để con cháu bước vào năm mới tốt đẹp, may mắn hơn nhiều lần năm ngoái. Do đó dù là lễ hay hội trong dịp Tết Cả cũng đều là những mỹ tục, nó bộc lộ lòng nhân ái với đồng loại, cùng đạo lý uống nước nhớ nguồn được khơi dậy với tinh thần cộng đồng sâu sắc, có tác dụng như mối dây liên kết bền vững giữa mỗi gia đình và kỷ cương xã hội.

2) Lễ Hội Quang Trung

Hàng năm cứ vào ngày mùng Năm Tết Nguyên Đán, khi những cành đào xuân vẫn khoe sắc thắm thì người Hà Nội đã nô nức đổ về phía Tây Nam thành phố (gò Đống Đa – thuộc quận Đống Đa) dự hội chiến thắng Đống Đa.



Các đây hơn hai thế kỷ, gò Đống Đa là chiến trường chính, nơi chứng kiến trận đánh hỏa công oanh liệt của quân dân Đại Việt với hàng chục vạn quân Thanh. Xác thù chônng chất thành gò, gắn với tên đất, gò thành di tích lịch sử vẻ vang. Tới giữa thế kỷ XIX, khi người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ và triều đại của ông cũng không còn nữa, nhớ ơn người đã dẹp giặc giữ yên bờ cõi, nhân dân hai làng Nam Đồng và Thịnh Quang cùng đứng ra xây một ngôi chùa trước gò gọi là chùa Đồng Quang. Từ đó hàng năm chùa mở lễ giỗ trận vào ngày 5 Tết (ngày chiến thắng Đống Đa và cũng là ngày đại quân của hoàng đế Quang Trung toàn thắng giặc Thanh trên đất Thăng Long).

Sau 1954, chính quyền thành phố đã lấy gò Đống Đa làm nơi tổ chức kỷ niệm chiến thắng Đống Đa oanh liệt. Qua đáp đối của thời gian và tâm linh, tâm thức con người, nghi lễ được hoàn chỉnh dần, trở thành một ngày hội lớn có lễ kỷ niệm và hội với nhiều trò vui, tích diễn. Đặc biệt là tiết mục rước rồng lửa do các chàng trai mặc quần áo võ sinh thời cổ rước đi quanh sân lớn, cùng một đám võ sinh múa côn quyền vừa là khoe tài vừa là tái hiện lại hình ảnh cuộc chiến đấu anh dũng khi xưa. Lịch sử đã đi qua, nhưng hình ảnh vua Quang Trung áo bào sạm đen khói súng cùng đoàn quân bách chiến bách thắng tiến vào thành Thăng Long mãi mãi vẫn là hình ảnh kỳ vĩ trong lòng các thế hệ người Hà Nội.

3) Lễ Hội An Dương Vương



Đền thờ An Dương Vương tọa lạc trên mảnh đất thuộc làng Cổ Loa, huyện Đông Anh Hà Nội, cách trung tâm thủ đô khoảng 17 km nằm trên quốc lộ Hà Nội đi Phúc Yên.

Đền nằm trong vị trí khu Thành Cổ, bao gồm một cụm các di tích : Đình Ngự Triều Di Quy, tương truyền đây là nơi ngự triều của vua Thục ; Am Bà Chúa – nơi thờ công chúa Mỹ Châu, con gái vua Thục. Trong am vẫn còn pho tượng đá cụt đầu, dấu tích của nỗi lòng oan khiến hận tình nợ nước của nàng công chúa vì nhẹ dạ mà mắc mưu kẻ địch để nỗi nước mất nhà tan.

Từ Am Bà Chúa sang thăm đền Thượng, còn gọi là Đền Vua Chủ. Đây chính là nơi thờ An Dương Vương

Trong đền thờ có đôi ngựa Hồng và trống đồng vua Thục. Trước đền có giếng Ngọc,



nơi Trọng Thủy tự tử vì hối hận. Trong cụm di tích này còn có một miếu nhỏ thờ thần Kim Quy.

Hội đền Cổ Loa cử hành hằng năm vào ngày mùng 6 tháng Giêng và kéo dài trong khoảng 10 ngày. Trong ngày lễ hội có sự tham dự của dân 12 xóm trong vùng Cổ Loa. Lễ hội mở đầu bằng đám rước Văn Chỉ và kiệu Thành hoàng các xóm sáng mùng 6 tháng Giêng sang đền thờ Vua chủ. Đền Thượng sẽ là nơi cử hành tế lễ, sân đền có cấm cờ ngũ sắc và bày các khí tự : đôi ngựa hồng, ngựa bạch hai bên tả hữu, chính giữa là hương án có bày đồ lễ, hộp kính đựng hia vàng và các đồ ngũ sự cùng với các khí giới của nhà vua.

Tuy nhiên tượng nhà vua và chiếc mũ bình thiên vẫn để trong gian thờ. Khi đám rước tới, các tiên chỉ sắp xếp theo chánh hội tế và cử hành nghi thức tế cổ truyền. Lễ tế thường kéo dài từ lúc quá Ngọ sang Mùi mới xong (12 giờ – 1 giờ). Sau khi đội tế của làng Cổ Loa tế xong lần lượt sẽ đến các đội tế khác (nếu có). Cuối cùng là dân làng và du khách vào lễ cầu nguyện nhà vua phù hộ cho thịnh vượng bình yên.



Sau buổi tế, dân làng tổ chức rước kiệu thần của 12 xóm và kiệu long đình của nhà vua cùng cung tên, kiếm nỏ, phường bát âm, cờ quạt đi một vòng quanh giếng Trọng Thủy về đình Ngự Triều (tới cửa điểm làng Cổ Loa thì kiệu làng nào về làng ấy, chỉ có kiệu làng Cổ Loa được rước về đình Ngự Triều). Đám rước xong cũng là lúc dân làng tham dự hội với những trò vui cổ truyền : đánh đu, đu, đu, các cụ thì chơi tổ tôm, cờ bỏi... Hội cứ thế kéo dài cho tới 16 tháng Giêng mới làm lễ tạ trời đất và

đóng đám.

4) Lễ Hội Triều Khúc

Nằm tại km số 8, trên đoạn đường Hà Nội – Hòa Bình, làng Triều Khúc còn có tên gọi là Kẻ Đor, nay thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Kẻ Đor xưa vốn đã là một vùng quê nổi tiếng với nghề làm nón quai thao, vì thế, làng còn được gọi là làng Đor Thao. Ngoài quai thao, làng còn nổi tiếng bởi nghề thêu may những đồ thờ như : lọng, tàn, trướng, y môn, tán tía.



Tương truyền, nghề này do một người họ Vũ truyền dạy lại. Do có nghề thủ công từ xưa nên dân làng Triều Khúc đã sống tương đối phong lưu. Để nhớ ơn người đã đem lại cuộc sống ấm no cho mình, dân làng đã thờ ông tổ nghề tại đình Lớn cùng với vị Thành hoàng là Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng (770 – 798). Hằng năm, làng tổ chức lễ hội tại đình Lớn để ghi nhớ công ơn tổ nghề và thao diễn lại trận đánh oanh liệt của vị Đại vương mà dân làng vẫn tôn kính phụng thờ.

Lễ hội Triều Khúc được tổ chức trong ba ngày từ 9 đến 12 tháng Giêng. Mở đầu là rước long bào – triều phục của Hoàng đế Phùng Hưng từ đình Sắc về đình Lớn (Triều Khúc có hai đình) để bắt đầu cuộc tế gọi là lễ “hoàn cung”. Khi cuộc tế lễ trong đình bắt đầu thì

ngoài sân đình các trò vui cũng được tổ chức, một trong những trò vui được nhiều người thích nhất là trò “đi đánh bông”. Đây là một điệu múa cổ do hai chàng trai đóng giả gái biểu diễn, trong bộ quần áo mở ba mớ bảy, cộng với hóa trang má phấn môi son, răng đen hạt huyền, mắt lá răm, khăn mỏ quạ, hai “cô gái” vừa nhún nhảy vừa vỗ trống Bồng đeo trước bụng một cách nhí nhảnh, nom rất vui và cũng gây cười. Tiết mục này thường thu hút người dự hội nhiều nhất và cũng là tiết mục sinh động và độc đáo nhất trong lễ hội Triều Khúc.



Ngoài ra, trong hội làng Triều Khúc còn có nhiều trò vui khác như múa lân hí cầu, đấu vật, hát Chèo Tàu. Sới vật Triều Khúc cũng là một trong những sới nổi tiếng, thu hút khá đông các đô vật nơi khác về tham dự : Bắc Ninh, Gia Lâm, Mai động... Múa rồng trong hội Triều Khúc cũng có nhiều nét độc đáo, kỹ thuật điêu luyện. Tương truyền đây là điệu múa có từ thời Bố Cái Đại Vương. Do múa hay, múa đẹp như vậy nên hằng năm đội múa rồng Triều Khúc thường được mời về tham dự và múa rồng ở hội Đống Đa.

Ngày 12 là ngày rã hội. Trong ngày này có lễ rã đám, và kết thúc bằng điệu múa cờ (còn gọi là chạy cờ). Điệu múa phản ánh sự tích Phùng Hưng kén chọn người tài để bổ sung quân ngũ trước lúc lên đường quyết chiến với quân xâm lược.

Khi mọi nghi lễ kết thúc, cũng là lúc mọi người cùng ngồi vào chiếu hưởng lộc thánh. Họ cùng nhau chia vui chén rượu, miến trà. Hội kết thúc trong niềm vui tươi phấn khởi và hy vọng của dân làng về một năm mùa màng bội thu, nghề nghiệp sẽ thịnh đạt, dân làng sẽ khoẻ mạnh hơn trước.

5) Hội Đèn Hai Bà Trưng

Nằm cách đường Nguyễn Công Trứ chừng 500 mét, thuộc phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng là một ngôi đền kiến trúc theo lối xưa. Trước cửa đền là một cây đa lớn cành lá xum xuê tạo cho ngôi đền một vẻ linh tú, nghiêm trang. Đây chính là nơi thờ hai vị nữ vương duy nhất của Việt Nam là Trưng Trắc và Trưng Nhị.



Sau ba năm kiên cường chống quân xâm lược phương Bắc (40–43), cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, nhưng đã kể lại cho dân tộc ta tấm gương trung trinh của nhị vị nữ anh hùng, làm rạng ngời ý chí và bản lĩnh của phụ nữ Việt Nam. Tưởng nhớ sự nghiệp vẻ vang của Hai Bà cùng các tướng lĩnh, nhân dân đã lập đền thờ ở nhiều nơi. Nhưng nổi tiếng hơn cả, phải kể đến ba ngôi đền : đền Hát Môn (Hà Tây), đền Hạ Lôi (Vĩnh Phúc) và đền Đồng Nhân (Hà Nội).

Đền Đồng Nhân được khởi dựng vào năm 1142 đời Lý Anh Tông, sau sự kiện huyền kỳ về pho tượng Hai Bà bằng đá trôi theo dòng sông Hồng dạt vào bờ và tỏa sáng bãi Đồng Nhân đêm 6 tháng 2. Từ đó thành lệ cứ vào dịp này hàng năm dân làng tổ chức lễ hội. Đến năm 1819, bãi sông lở, đền chuyển về Sở Vĩ (giăng võ đường thời Lê) tại thôn Hương Viên, nay là phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

Hội đền Đồng Nhân kéo dài trong bốn ngày từ 3 đến 6 tháng Hai. Lễ hội bắt đầu bằng lễ mở cửa đền ngày mùng 3. Sáng ngày mùng 4 dân làng đã bắt đầu tế (là lễ nhập tịch). Đến ngày mùng 5 là ngày chính hội. Trong ngày này có lễ tắm tượng, tế nữ quan và tổ chức múa đèn, ngày mùng 6 tế lễ chay. Theo tục cũ mọi việc dâng cúng trong hậu cung đều do các lão bà thực hiện.



Sau tế lễ, đến múa đèn. Tốp múa đèn gồm từ 10 đến 12 cô gái độ tuổi thanh xuân đẹp đẽ và tâm vóc như nhau đã được tập luyện chu đáo. Tất cả các nữ vũ công này đều mặc áo dài đen, quần hồng, thắt lưng đỏ, đầu chít khăn lụa màu. Mỗi người cầm trên hai tay hai đèn làm bằng dải gỗ, dán giấy màu xung quanh và thắp nến cháy sáng ở giữa. Tốp múa này sắp thành hàng trước hương án và múa uyển chuyển, lúc lên lúc xuống, lúc đan xen, lúc tách hàng theo tiếng trống cơm bập bùng nhịp nhàng của hai cô gái đánh

bồng (do nam giới cải trang) làm nhịp cho điệu múa.

Ngày mùng 6 rã hội có lễ dâng hương và đóng cửa đền.

6) Hội Lẻ Mạt

Người dân Hà Nội ngày nay vẫn có câu ca :

*Nhớ ngày 23 tháng 3
Dân trại ta vượt Nhị Hà thăm quê
Kinh quán, cụt quán đề huề
Hồ Tây cá nhảy đi về trong mây*

Câu ca ấy đưa chúng ta trở về với truyền thuyết của một làng Việt cổ liên quan tới cố đô Thăng Long hơn 9 thế kỷ trước.

Thần phủ đình làng Lẻ Mạt còn ghi lại câu chuyện đánh thủy quái cứu công chúa con vua Lý Thái Tông (1072–1127) của chàng trai họ Hoàng. Người mà đã khước từ mọi tặng vật vua ban, chỉ xin được chiêu tập dân nghèo li tán đưa đến vùng ven đô khai khẩn. Và dải đất hoang phía Tây thành Thăng Long xưa, (Quận Ba Đình ngày nay) dưới bàn tay của chàng cùng lưu dân đã tạo thành một vùng nông nghiệp trù phú nổi tiếng vùng ven kinh thành Thăng Long xưa và vẫn còn lưu dấu đến tận ngày nay : Cống Vị, Giảng Võ, Liễu Giai, Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Vĩnh Phúc, Thủ Lệ, Kim Mã, Ngọc Khánh... sử gọi đó là khu thập tam trại. Khi chàng trai họ Hoàng qua đời, dân làng Lẻ Mạt cùng dân Thập tam trại nhớ ơn người có công mở đất đã tôn làm Thành hoàng. Từ đó cứ đến ngày kỵ của chàng (ngày 23 tháng 3), con cháu 13 trại xưa “dân kinh quán” (ở nơi kinh đô) lại kéo về làng cũ “cụt quán” dự lễ hội tưởng niệm người đã có công mở làng lập ấp.

Hội làng Lẻ Mạt được bắt đầu vào sáng ngày 23, trong khung cảnh cờ, kiệu, trống chiêng giống giả báo ngày vui tại sân đình. Dân 13 trại lập thành 13 đoàn, cử người đội mâm lễ vật cung kính từ kinh đô về cùng dân làng mọi ngả kéo tới sân đình dự hội.

Mở đầu lễ hội là tục rước nước, đám rước từ đình ra giếng làng, nước được lấy đầy ché sứ lớn đặt trang trọng trên kiệu có lọng che. Lấy nước xong theo lệ cũ dân làng lại đem vó ra giếng bắt một con cá chép lớn, đặt nguyên cả con lên mâm đồng, phủ vải điều rước về đình làm lễ vật dâng cúng. Nghi thức này nhắc nhở con cháu hôm nay không được quên gốc cũ, và công lao người đã có công khai phá mở mang trăm nghề cho dân làng. Sau cuộc lễ long trọng và thành tâm, hội Lẻ Mạt bao giờ cũng có trò múa răn tại sân đình. Đội múa răn

thông thường được tập luyện từ hàng tháng trước và trò diễn là nhằm tái hiện lại chiến tích kỳ diệu của người tráng sĩ họ Hoàng năm xưa.



Hội làng Lệ Mật không chỉ là lễ hội mang tính địa phương, nhằm tưởng niệm người có công với dân làng, mà còn mang những đặc điểm chung của các cư dân nông nghiệp. Đó là tín ngưỡng vật linh giáo thể hiện trong điệu múa rắn – con vật mang tính nước và là biểu tượng thế giới âm, thực ra đây là một biến thể của tục coi rắn là vật tổ, vật linh và thờ rắn khá phổ biến ở các cư dân nông nghiệp Đông Nam á. Song cái hay ở đây là nó được khéo léo ẩn trong sự tích của chàng trai họ Hoàng và công cuộc mở làng, lập ấp tạo nên Thập tam trại trù phù trên đất kinh kỳ. Điều đó

không chỉ góp phần tạo niềm vui chung, là dịp ôn lại trang sử dựng làng đầy gian nan thử thách, mà còn góp phần thúc đẩy mối dây liên hệ cộng đồng, tạo tình gắn bó với quê hương, mảnh đất đã không chỉ sinh ra những con người hay làm hay mà còn tạo cho họ có một bản lĩnh không phải vùng quê nào cũng có được. Người dân Lệ Mật có biệt tài bắt rắn, nuôi rắn để chế biến ra những thành phẩm có giá trị cao về kinh tế cũng như y dược. Về dự hội làng hôm nay, du khách bao giờ cũng có dịp được thăm các bể nuôi rắn theo phương pháp cổ truyền để lấy nọc làm dược phẩm quý phục vụ cho trong nước và xuất khẩu, cũng như thưởng thức một chén rượu rắn, thức đặc sản thứ thiệt chỉ có ở vùng quê Lệ Mật, để khi tan hội ra về vẫn nhớ mãi vị đậm đà độc đáo của chén rượu vùng quê !

7) Lễ Hội Thánh Gióng

Lễ hội Thánh Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng (tên nôm là làng Gióng).

Đây là một trong những hội lễ lớn nhất ở đồng bằng Bắc bộ, một diễn trường lịch sử – văn hóa, diễn lại sự tích Thánh Gióng đánh thắng giặc Ân. Từ Hà Nội muốn đi tới làng Phù Đổng phải qua Gia Lâm, theo quốc lộ 1 về hướng Bắc Ninh thẳng



tới cầu Đuống. Qua cầu rẽ phải dọc theo đê khoảng 7 km thì tới. Đứng trên bờ đê đã có thể trông thấy đền Thượng – một ngôi đền khá đồ sộ, kiến trúc theo lối xưa. Đây chính là nơi thờ Thánh Gióng – Phù Đổng Thiên Vương.

Ngọc phả trong đền còn ghi lại tiểu sử của *cậu bé Gióng được sinh ra do một lần người mẹ nghèo làng Gióng ra đồng thấy một vết chân to lớn lạ thường, bà tước thử vào chân mình, về nhà mẹ mang thai sinh ra Gióng. Cậu bé trong ba năm không nói không cười ấy khi biệt nạn nước lâm nguy đã yêu cầu nhà vua rèn ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt cho mình rồi vươn vai đứng dậy thành người khổng lồ ăn hết bảy nong cơm, ba nong cà, sau đó nhảy lên ngựa sắt, mặc áo giáp sắt dùng gậy sắt, tre quê nhà làm vũ khí dẹp giặc. Giặc tan, Gióng cho ngựa chạy lên núi Sóc. Tại đây Gióng cởi bỏ áo giáp cả người và ngựa cùng bay lên trời.*

Kiến trúc đền cho biết đền được dựng từ thế kỷ XI thời Lý. Hằng năm cứ đến ngày 9 tháng 4 âm lịch (ngày ông Gióng thắng giặc Ân), dân tứ xứ lại đổ về từ mọi ngả xa gần để xem lễ, dự hội làng. Lễ hội làng Gióng được cử hành trên một diễn trường rộng lớn dài khoảng 3 km gồm đền Thượng, đền Mẫu (thờ mẹ Gióng) và chùa Kiến Sơ.



Hội bắt đầu từ ngày mùng 6 tháng 4. Trong những ngày này dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà – thức ăn mà Gióng thích) lên đền Thượng. Ngày chính hội (9/4) có lễ rước kiệu võng từ đền Mẫu lên đền Thượng và tổ chức hội trận (diễn lại trận phá giặc Ân). Ngày mùng 10 làm lễ duyệt quân tạ ơn Gióng. Ngày 11 lễ rửa khí giới. Ngày 12 lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất... Cuối cùng là lễ khao quân, đến đêm có hát chèo. Ngoài lễ hội chính tại làng Phù Đổng còn có một số nơi khác cũng tổ chức hội Gióng : Hội đền Sóc (xã Xuân Đình huyện Từ Liêm), hội Sóc Sơn (huyện Sóc Sơn), hội Phù Gióng; hội Gióng Bộ Đầu...

Trong các lễ hội Hà Nội có lẽ hội Gióng làng Phù Đổng là một lễ hội được tổ chức quy mô và hoành tráng nhất. Đây là cơ hội để người tham dự được chứng kiến các nghi thức của một hệ thống lễ với các thao tác thuần tục, uy nghi, mang tính nghệ thuật và biểu tượng cao. Cũng tại đây, mỗi người đều có dịp cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều giữa làng và nước, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa quá khứ và hiện tại giữa thực và ảo, giữa thiêng liêng và trần tục, tất cả đều được gìn giữ như một tài sản văn hóa để lưu truyền mãi về sau.



8) Hội Đèn Trèm



Nằm ở vị trí bên tả ngạn sông Hồng, ngay trên con đê thuộc xã Thuy Phuong, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Đền Trèm (từ trèm, biến âm của từ viết cổ T.lem, T.rem – Trèm) đã chứng kiến bao mùa đổi dòng thay hướng của con sông Hồng vừa hiền hòa vừa dữ dằn mỗi mùa con nước. Đây chính là nơi thờ Lý Ông Trọng.

Câu chuyện về tài năng, đức độ cũng như oai linh của ông cả khi sống lẫn khi đã chết, cả khi còn trong nước lẫn khi ở nước ngoài (Trung Quốc) đã trở thành biểu tượng của sức mạnh và chính nghĩa. Nhưng với dân làng Thuy Phuong ông vẫn tồn tại như một phúc thần bảo hộ cho dân làng, tượng ông cùng phu nhân được thờ phối hưởng trong đền và tôn kính gọi là Đức ông, Đức bà.

Hàng năm hội đèn Trèm mở 3 ngày (từ 14–16/4) để tưởng niệm Lý Ông Trọng. Mở đầu là lễ rước nước sáng sớm ngày 15. Nước được lấy ở giữa dòng sông để phục vụ cho lễ tắm tượng. Sau đó là lễ rước văn (rước bài văn tế từ nhà người trưởng văn ra đình), cuối cùng là lễ tụng kinh cầu siêu do thầy chùa phụ trách tiến hành trong đêm Rằm.



Khi các nghi lễ tiến hành xong cũng là thời điểm dân làng và khách thập phương chung vui không khí hội hè : thả chim bồ câu, chèo thuyền, đánh cờ, đấu vật... Trong đó hấp dẫn nhất vẫn là hội thi thả chim và chèo thuyền. Với sự tham dự của nhiều chủ chim có khi tới đám chục thậm chí hàng trăm đàn chim chờ đợi mở lòng tung cánh, đua tài cao thấp trong ngày hội càng làm cho không khí hội đèn Trèm thêm náo nhiệt.

Từ những nghi thức và tập tục : rước nước, tắm tượng, chèo thuyền, thả chim... là hình ảnh mờ nhạt của các lễ nghi nông nghiệp xa xưa, qua đắp đổi của thời gian và các dòng văn hóa cho đến nay chỉ còn hiện diện như một thú chơi tao nhã và tinh thần thượng võ. Tất cả tạo nên sự hấp dẫn riêng của một làng quê nông nghiệp ven đô.

9) Rằm Trung Thu

Mỗi năm cứ đến độ tháng 8 âm lịch, khi tiết trời đã nhạt nắng, từng ngọn gió heo may bắt đầu xào xạc lay ngọn cây, khiến những chiếc lá vàng bắt đầu rời cành buông xuống lòng thành phố, rải thành một lớp thảm vàng dọc những con đường Tràng Thi, Nguyễn Du, Lý Nam Đế... thì mọi người dân Hà Nội hình như không ai bảo ai cũng thầm nhủ thế là trời đã sang thu !

Mùa thu có khắp cả trên đất Bắc, nhưng có lẽ chỉ có ở Hà Nội thu mới rõ rệt nhất và cũng ấn tượng nhất. Đó cũng là lúc trời đất như xuống màu, gió thổi nhẹ nhàng hơi se lạnh và có cái gì đó khiến lòng người kể rung một nỗi buồn man mác trước vẻ đẹp của trăng thu, ấy cũng là lúc người dân Hà Nội lại thấy chộn rộn trong lòng với cái Tết Trung thu. Tết Trung thu vốn dĩ là tết của trẻ em, nhưng từ lúc nào không biết nữa nó đã lây cả sang người lớn. Vào những ngày này các mẹ các chị đều lo mua sắm cho gia đình mình một mâm cỗ trông trăng sao cho thật đẹp, thật lịch sự vừa hợp với nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ của gia đình, mà cũng là tỏ lòng đền đáp lại chị Hằng Nga và vẻ đẹp trời cho của mùa thu Hà Nội.



Từ đầu tháng 8 các phố Hàng Gai, Hàng Mã, Hàng Hòm, lan cả sang Lương Văn Can, Hàng Mành, Hàng Điếu... đã hóa trang một cách điệu kỳ đến nỗi làm cho ngay cả người Hà Nội cũng không nhận ra khu phố quen thuộc nữa. Nhất nhất đều thu các hàng hóa khác lại chỉ bày một mặt hàng đó là đồ chơi tháng tám : nào là đèn kéo quân, đèn quả da, đèn trái trám, đèn ông sao, đầu sư tử, ông Lã Vọng với mặt nạ các kiểu, làm hoa cả mắt người mua cũng như người bán. Đường phố cũng trở nên tấp nập đông vui hơn bởi những quả bóng bay đủ màu sắc và dáng vẻ cứ chập chờn bay trên các ngách phố với tiếng rao vừa tha thiết vừa mời gọi : ai bóng bay !

Dọc các phố Hai Bà Trưng, Tràng Thi, Cửa Nam bày la liệt các loại bánh nướng, bánh dẻo với đủ kiểu dáng hợp thị hiếu, mà chỉ trông thôi cũng đã thấy nhỏ nước miếng. Còn các chợ thì cơ man nào là hoa trái. Thôi thì đủ thứ của ngon vật lạ từ mọi miền đất nước đều về họp mặt tại đây : nào là na, bưởi, quýt, cam, hồng, lê táo phía Bắc, cộng với xoài, măng cầu, thanh long, sầu riêng phía Nam, rồi thì nho, lê, táo, nhập ngoại... tất cả như cố tình làm cho mâm cỗ trông trăng Trung thu của Hà Nội trở nên rực rỡ hơn, ngọt ngào hơn và cũng hấp dẫn hơn.

Cổ Tết Trung thu bắt đầu ngay từ chiều 15 tháng 8 âm lịch. Nhà nào cũng kê một chiếc bàn hay một án thư ra ngoài hàng hiên để bày biện. Bắt đầu là hai con thỏ mẹ tết bằng cùi bưởi hai bên, giữa đặt một tr m rồi

đặt ông Lã Vọng ngồi câu cá ở giữa, hai bên là hai con chó tết bằng tép bưởi, mắt chó bằng hột nhãn, hai bên là hai bát hạt dẻ, giữa là bốn bát chiết yêu gạo trắng bao lấy hàng chữ bằng gạo màu xanh đỏ tím vàng “Trung thu nguyệt bính”. Người nào muốn cổ to hơn thì treo ở trên một đèn kéo quân dưới đặt nhiều ghế, mỗi ghế để một thứ đồ chơi như lợn đàn, cô tiên đánh đàn, đầu sư tử và các thứ bánh trái như bánh dẻo, bánh nướng, bánh đậu xanh, bánh chữ, bánh Tô Châu, nhưng chiếc bánh to nhất phải được bày ở chính giữa trên một cái kỷ kê trước án thờ và nhớ đặt lên đó một con thạch sùng bằng bột. Các con giống khác như kỳ lân, phượng, đào, chuối, cành hoa đặt đâu cũng được. Như thế là việc chuẩn bị cỗ trông trăng đã coi là xong, chỉ còn chờ đợi trời tối là thắp đèn xếp, đèn hạt bưởi là xong. Sau đó khi đêm xuống, trăng lên, chủ nhà, thường là người cao tuổi đốt nhang thắp nến lễ trời, lễ Phật. Trong khi người lớn ngồi ngắm trăng hay ăn ốc hấp chờ trăng thì đám trẻ cứ đánh trống om lên và múa sư tử tưng xòeng trước sân, dưới ánh trăng chiếu sáng lung linh huyền ảo như dát một màn bạc lên khắp đất trời.



Có lẽ bất cứ một người Việt Nam nào cũng đều có tuổi thơ và đều có những giờ khắc tưng bừng đón Tết Trung thu, dù đơn giản chỉ có hồng với cốm thôi cũng không thể nào quên cái vui thừa ấy. Vui vì được rước đèn, được tự tay nhặt từng hạt bưởi để xâu thành một chuỗi phơi khô làm đèn thắp đêm Rằm tháng tám, để rồi khi thánh người lớn có gia đình và rồi lại sắm tết cho con cái, nhìn chúng múa hát đón trăng trong lòng ai không khỏi bồi hồi nhớ về một mùa trăng năm nào, bên tai lại vọng về bài hát cũ “Ông giăng ông giăng, xuống chơi với tôi, có bầu có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có tộp bánh chưng, có lưng hũ rượu, có chiếu bóm dùi, thằng cu xí hoai, bắt trai bỏ giỏ, cái đồ ằm em, đi xem đánh cá, có rá vo gạo, có gáo múc nước, có lược chải đầu, có trâu cày ruộng, có muống thả ao, ông sao trên trời...” và rồi giạt mình bởi tiếng trống sư tử đằng xa vọng lại, đánh thức khỏi hồi ức cũ mà ngỡ ngàng thấy trăng đã đến tự lúc nào !